

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

-----***-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----☆☆☆-----

Bản án số: 530/2021/HSPT

Ngày: 11/11/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Điền;

Ông Đặng Văn Hưng.

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lê Giang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 111/2021/TLPT-HS ngày 05 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo Phan Thế T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do có kháng cáo của bị cáo, người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 489/2020/HSST ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Phan Thế T, sinh năm 1973; Nơi ĐKNKTT: Tập thể Viện công nghệ thực phẩm, phường Thanh Xuân T, quận Thanh X, thành phố Hà Nội; nơi ở: Phòng 1014 - Nơ 1A, Bán đảo Linh Đ, phường Hoàng L, quận Hoàng M, Hà Nội; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn C và con bà Lương Thị P; có vợ là Trần Thị Thu H (đã ly hôn năm 2013); có 03 con (con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 09/10/2019; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Hoàng Văn S - Công ty Luật TNHH Minh T thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

* *Người bị hại có kháng cáo:* Ông Nguyễn Đình H1, sinh năm 1956 và bà Phạm Thị H2, sinh năm 1960; trú tại: Số 87 đường 43, phường Tân Q, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị hại: Luật sư Nguyễn Đình K - Văn phòng luật sư Trảng T thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (liên quan đến kháng cáo của người bị hại): Chị Phan Thị Kim T1, sinh năm 1979; trú tại: Phòng 1014, Nơ 1A - Bán đảo Linh Đ, phường Hoàng L, quận Hoàng M, Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2009 đến năm 2013, bị cáo Phan Thế T đã nói dối người bị hại là vợ chồng ông Nguyễn Đình H1, bà Phạm Thị H2 là bị cáo có các dự án đầu tư hợp tác kinh doanh là:

- Làm cây quảng cáo ngoài trời cho Công ty cổ phần Viễn thông Di động Toàn cầu (GTEL);

- Dự án mua nhà thanh lý nhà số 30 Phố H, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội;

- Dự án đầu tư vào Nhà hàng tiệc cưới Nhật H ở số 281 phố Tôn Đức T, phường Hàng B, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội;

- Nhà hàng tiệc cưới Xanh P số: 10 Phạm Ngọc T, phường Kim L, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội.

Bị cáo nói dối là nếu cùng đầu tư sẽ được lợi nhuận cao. Tin lời bị cáo nên từ ngày 23/2/2009 đến 20/9/2013, vợ chồng ông Nguyễn Đình H1, bà Phạm Thị H2 đã 31 lần chuyển tiền vào tài khoản số 0021001544349 (Ngân hàng Vietcombank, Chi nhánh Hà Nội) của bị cáo tổng số tiền là 30.988.000.000đ. Sau khi nhận được tiền, bị cáo sử dụng, chi tiêu cá nhân không có khả năng trả lại.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai: Khoảng năm 2006, bị cáo quen biết vợ chồng ông Nguyễn Đình H1, bà Phạm Thị H2. Đến khoảng năm 2009, lợi dụng mối quan hệ thân thiết, bị cáo đã nhiều lần nói dối vợ chồng ông H1 là có các dự án kinh doanh có lợi nhuận và đề nghị vợ chồng ông H1, bà H2 chuyển tiền cho bị cáo tham gia đầu tư, góp vốn hợp tác kinh doanh để được chia lợi nhuận. Từ ngày 23/2/2009 đến ngày 20/9/2013 vợ chồng ông H1 đã nhiều lần chuyển tiền cho bị cáo tổng cộng số tiền là 30.988.000.000đ cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất, Công ty TNHH Quảng cáo Thương mại Toàn cầu của bị cáo và vợ bị cáo là Trần Thị Thu H không có hợp đồng làm cây quảng cáo ngoài trời cho Công ty cổ phần Viễn thông Di động Toàn cầu, nhưng bị cáo nói với ông H1 là Công ty đang thực hiện đầu tư dự án làm cây quảng cáo ngoài trời cho

Công ty cổ phần Viễn thông Di động Toàn cầu, sau khoảng từ 2 đến 3 năm sẽ hoàn vốn, sau khi hoàn vốn thì lợi nhuận sẽ dao động từ 40% đến 60% một năm và đề nghị ông H1 đầu tư hợp tác góp vốn cùng bị cáo làm biển quảng cáo. Vợ chồng ông H1 đồng ý và từ ngày 23/02/2009 đến ngày 23/11/2009 đã chuyển cho bị cáo tổng số 15 lần với số tiền là 10.638.000.000đ; Lần ít nhất là 70.000.000đ, lần nhiều nhất là 1,3 tỷ đồng.

- Lần thứ hai, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội không có chủ trương bán thanh lý căn nhà số 30 phố H, nhưng bị cáo bảo ông Nguyễn Đình H1 chuyển tiền cho bị cáo để làm thủ tục mua thanh lý cho ông H1 căn nhà này. Ông H1 đồng ý, nên từ ngày 15/6/2009 đến ngày 06/7/2009 đã chuyển cho bị cáo 02 lần tổng số tiền là 3 tỷ đồng, lần thứ nhất chuyển 1,7 tỷ đồng, lần thứ hai chuyển 1,3 tỷ đồng.

- Lần thứ ba, bị cáo không đầu tư kinh doanh vào Nhà hàng tiệc cưới Nhật H và Nhà hàng tiệc cưới Xanh P, nhưng bị cáo bảo ông H1 chuyển tiền cho bị cáo để cùng đầu tư thuê, khai thác sử dụng 02 nhà hàng trên. Vợ chồng ông H1 đồng ý, từ ngày 10/02/2010 đến ngày 20/9/2013 đã chuyển cho bị cáo 14 lần tổng số tiền là 17.350.000.000đ (Lần ít nhất là 200.000.000đ, lần nhiều nhất là 5 tỷ đồng) quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại 5,4 tỷ đồng.

Sau khi nhận tiền của vợ chồng ông Nguyễn Đình H1, bị cáo đã sử dụng chi tiêu cá nhân và cho em gái là Phan Thị Kim T1 vay khoảng 20 tỷ đồng để điều trị bệnh ung thư, chi tiêu cá nhân; Khi cho vay bị cáo không nói về nguồn gốc của số tiền trên. Bị cáo không chia lợi nhuận như đã thỏa thuận, nên vợ chồng ông H1 đã yêu cầu bị cáo trả lại tiền, nhưng bị cáo không có tiền trả.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 489/2020/HSST ngày 24/12/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Phan Thế T 18 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 09/10/2019.

Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Đình H1 và bà Phạm Thị H2 số tiền là 20.988.000.000đ.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Đình H1 và bà Phạm Thị H2 về việc yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền lãi là 40.130.510.222đ.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án phải chịu một khoản tiền lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/01/2021, bị cáo Phan Thế T có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 06/01/2021, người bị hại là ông Nguyễn Đình H1 và bà Phạm Thị H2 có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo, buộc bị cáo T phải trả lãi suất tiền vay đối với số tiền chiếm đoạt; buộc chị Phan Thị Kim T1 phải trả số tiền 20 tỷ và xử lý hình sự về hành vi tẩu tán tài sản đối với T1; buộc Công ty Thanh T phải trả 06 tỷ đồng cổ phần góp vốn của bị cáo T và điều tra làm rõ những người liên quan đến bản hợp đồng hợp tác đầu tư và thành lập công ty cổ phần giữa Công ty sản xuất XNK nông sản Hà Nội do ông Phan Văn C làm Giám đốc với Công ty TNHH sản xuất- thương mại- dịch vụ ô tô T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phan Thế T thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội, tiếp tục lao động để khắc phục hậu quả cho vợ chồng ông H1, bà H2.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phan Thế T thống nhất với tội danh đã áp dụng đối với bị cáo, nhưng cho rằng mức án 18 năm tù Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là quá nghiêm khắc và chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ là người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả, bồi thường thêm cho vợ chồng ông H1, bà H2 số tiền 1,5 tỷ đồng và mẹ đẻ của bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm điểm x, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại là vợ chồng ông Nguyễn Đình H1 và bà Phạm Thị H2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của ông H1, bà H2 cho rằng ban đầu bị cáo T chỉ thừa nhận vay tiền của vợ chồng ông H1, bà H2; sau này mới nhận tội và tác động gia đình bồi thường thiệt hại nên chưa ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội nhiều lần với số tiền lớn làm ảnh hưởng đến gia đình người bị hại, bị cáo cho em gái là chị Phan Thị Kim T1 vay 20 tỷ trong tổng số tiền chiếm đoạt và chị T1 cũng thừa nhận khoản vay này để cho rằng mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tăng hình phạt đối với bị cáo Phan Thế T, buộc bị cáo T1 phải trả lãi đối với số tiền chiếm đoạt và buộc chị T phải trả tiền cho vợ chồng ông H1, bà H2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã kết luận: Bị cáo Phan Thế T thừa nhận hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của ông H1, bà H2 tính đến thời

điểm xét xử sơ thẩm thì tổng số tiền bị cáo T chưa thanh toán được cho người bị hại là 20.988.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phan Thế T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phan Thế T và kháng cáo đề nghị tăng hình phạt của người bị hại là vợ chồng ông H1, bà H2 thấy: Quá trình điều tra, xét xử bị cáo Phan Thế T thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo đã tác động gia đình tích cực khắc phục hậu quả; gia đình bị cáo có công với Cách mạng; bị cáo phạm tội nhiều lần. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân và hành vi phạm tội để xử phạt bị cáo Phan Thế T mức án 18 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật nên kháng cáo của vợ chồng ông H1, bà H2 đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo là không có căn cứ. Trong vụ án này, người bị hại quá tin tưởng bị cáo, đã giao số tiền lớn cho bị cáo T trong thời gian dài và không kiểm tra, giám sát tạo điều kiện cho bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội; đây là sơ hở của người bị hại cho bị cáo T phạm tội. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình biên lai khắc phục 1,5 tỷ đồng và tài liệu thể hiện mẹ bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Đây là các tình tiết mới tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Thế T, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với kháng cáo của người bị hại đề nghị tính lãi đối với số tiền chiếm đoạt và buộc chị T1 phải trả tiền cho vợ chồng ông H1, bà H2: Hành vi chiếm đoạt của bị cáo Phan Thế T đã bị xử lý hình sự về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, không phải là quan hệ dân sự. Vợ chồng ông H1, bà H2 giao tiền cho bị cáo và bị cáo T tự nguyện cho chị T1 vay tiền. Chị T1 không vay tiền của vợ chồng ông H1, bà H2 và không biết nguồn gốc tiền bị cáo phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với chị T1 là có căn cứ. Thực tế, chị T1 đã khắc phục hậu quả thay cho bị cáo T tính đến thời điểm này tổng số tiền là 11,5 tỷ đồng. Việc chị T1 quản lý, sử dụng số tiền 20 tỷ đồng là trên cơ sở quan hệ vay tiền giữa bị cáo T với chị T1 và là quan hệ dân sự giữa bị cáo T với chị T1. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông H1, bà H2.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người bị hại; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Thế T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm một phần hình phạt cho bị cáo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phan Thế T thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của người bị hại, người liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ năm 2009 đến năm 2013, Phan Thế T đã đưa ra những thông tin gian dối là T có các dự án làm cây quảng cáo ngoài trời cho Công ty cổ phần viễn thông di động Toàn Cầu (Gtel); mua nhà thanh lý 30 Phố H, quận Hoàn K, Hà Nội; dự án đầu tư nhà hàng tiệc cưới Nhật H ở 281 Tôn Đức T, phường Hàng B, quận Đống Đ, Hà Nội và nhà hàng Xanh P ở số 10 Phạm Ngọc T, phường Kim L, quận Đống Đ, Hà Nội đem lại lợi nhuận cao để rủ vợ chồng ông Nguyễn Đình H1, bà Phạm Thị H2 góp vốn làm ăn chung. Vợ chồng ông H1, bà H2 tin tưởng có các dự án trên nên đã nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản của bị cáo T tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Hà Nội với tổng số tiền là 30.988.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Phan Thế T đã sử dụng chi tiêu cá nhân. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phan Thế T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (có khung và mức hình phạt giống Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phan Thế T và kháng cáo đề nghị tăng hình phạt của người bị hại, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Lợi dụng sự quen biết với vợ chồng ông Nguyễn Đình H1, bà Phạm Thị H2; Phan Thế T đã đưa ra những thông tin không có thật để vợ chồng ông H1 tin, chuyển tiền góp vốn đầu tư hợp tác kinh doanh cho T nhiều lần với tổng số tiền là 30.988.000.000 đồng. Quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm, bị cáo Phan Thế T khai báo thành khẩn và thật sự ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại là vợ chồng ông H1, bà H2 tại giai đoạn điều tra và xét xử sơ thẩm tổng số tiền là 10.000.000.000 đ (Mười tỷ đồng) và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để xử phạt bị cáo Phan Thế T mức án 18 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của người bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Phan Thế T là không có cơ sở chấp nhận. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, gia đình bị cáo T xuất trình biên lai thể hiện bị cáo đã tác động gia đình bị cáo tiếp tục bồi thường thêm cho người bị hại số tiền 1.500.000.000 đ (Một tỷ, năm trăm triệu đồng) thể hiện ý thức tích cực khắc phục hậu quả của bị cáo và mẹ của bị cáo T được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì. Đây là tình tiết mới tại cấp phúc thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Thế T, giảm một phần hình phạt cho bị cáo T, tạo cơ hội cho bị

cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội để khắc phục hậu quả cho người bị hại.

Xét kháng cáo của người bị hại là vợ chồng Nguyễn Đình H1, bà Phạm Thị H2 yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền chiếm đoạt, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Các cơ quan tiến hành tố tụng xác định bị cáo Phan Thế T chiếm đoạt của vợ chồng ông H1, bà H2 tổng số tiền là 30.988.000.000 đồng. Số tiền này được xác định là thiệt hại từ hành vi chiếm đoạt của bị cáo nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và bị cáo Phan Thế T phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại từ hành vi chiếm đoạt cho người bị hại theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường dân sự trong vụ án hình sự. Khoản tiền này là khoản tiền bị thiệt hại do hành vi chiếm đoạt trong vụ án hình sự, không phải là quan hệ dân sự thuần túy thông qua các giao dịch vay mượn, chơi hụi, họ... nên kháng cáo của người bị hại yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền chiếm đoạt là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với kháng cáo yêu cầu xử lý hình sự đối với chị Phan Thị Kim T1 về hành vi tẩu tán tài sản phạm tội và yêu cầu chị T1 phải trả tiền cho người bị hại thấy: Các tài liệu điều tra và lời khai của bị cáo T, chị T1 tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm thể hiện bị cáo Phan Thế T và chị Phan Thị Kim T1 là anh em ruột nên khi Phan Thế T cho chị T1 vay tiền, không viết giấy biên nhận, không thỏa thuận thời hạn vay và lãi suất vay. Mục đích chị T1 vay tiền của T để chữa bệnh (ung thư và hiểm muộn), chi tiêu sinh hoạt gia đình... và chị T1 không biết nguồn gốc số tiền T cho vay là do chiếm đoạt của vợ chồng ông H1, bà H2. Quá trình điều tra và xét xử sơ thẩm, chị T1 đã tự nguyện khắc phục hậu quả thay cho bị cáo T, trả cho vợ chồng ông H1 số tiền 10.000.000.000 đồng; tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, chị T1 tiếp tục bồi thường cho vợ chồng ông H1, bà H2 số tiền 1.500.000.000 đồng để khắc phục hậu quả thay cho bị cáo T. Đồng thời, chị T1 trình bày do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, hoạt động kinh doanh bị thua lỗ do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và nhà hàng có tranh chấp nên gia đình chưa có điều kiện để thay bị cáo khắc phục toàn bộ thiệt hại cho vợ chồng ông H1, bà H2. Như vậy, việc vay và sử dụng tiền của chị T1 không có dấu hiệu của tội phạm hình sự nên yêu cầu xử lý hình sự đối với chị T1 của ông H1, bà H2 là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với kháng cáo của ông H1, bà H2 về việc yêu cầu Công ty CP đầu tư Thanh T trả 06 tỷ đồng tiền bị cáo chiếm đoạt góp vốn cổ phần tại Công ty Thanh T thấy: Bị cáo T là người trực tiếp nhận tiền của vợ chồng ông H1 và sử dụng một phần tiền đóng góp cổ phần khi thành lập Công ty CP đầu tư Thanh T do bị cáo Phan Thế T là Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty (trong đó 02 tỷ là góp vốn và 04 tỷ là trả tiền thuê nhà tại nhà hàng Tre V - 20 Hoàng C). Năm 2016, do Công ty Thanh T hoạt động bị thua lỗ nên Phan Thế T đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần cho anh Nguyễn Tất L (là chồng của chị T1) với giá

500 triệu và không tham gia hoạt động quản lý, kinh doanh tại Công ty Thanh T nữa. Vì vậy, vợ chồng ông H1 yêu cầu Công ty Thanh T trả 06 tỷ đồng là không có cơ sở.

Đối với yêu cầu điều tra làm rõ những người liên quan đến bản “Hợp đồng hợp tác đầu tư và thành lập công ty cổ phần” không số ngày 08/12/2005 giữa Công ty sản xuất XNK nông sản Hà Nội do ông Phan Văn C (bố T) ký với Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ ô tô T thấy: Tài liệu vụ án thể hiện Công ty sản xuất XNK nông sản Hà Nội có văn bản trả lời Cơ quan điều tra về việc Công ty không ký hợp đồng hoặc không lưu giữ qua văn thư, hành chính với Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ ô tô T. Ông C và anh T2 đều có lời khai không biết về bản hợp đồng này. Các hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh liên quan đến ông Phan Văn C đang được cơ quan điều tra tách ra làm rõ bằng vụ án khác nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo về vấn đề này của vợ chồng ông H1, bà H2.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo Phan Thế T và người bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Đối với kháng cáo của người bị hại liên quan đến phân trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự không được chấp nhận, nhưng do người bị hại là người cao tuổi nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho người bị hại theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ của Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phan Thế T; không chấp nhận kháng cáo của người bị hại là ông Nguyễn Đình H1 và bà Phạm Thị H2; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 489/2020/HSST ngày 24/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về phần hình phạt đối với bị cáo Phan Thế T.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt: Bị cáo Phan Thế T 16 (Mười sáu) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 09/10/2019.

- Buộc bị cáo Phan Thế T có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Đình H1 và bà Phạm Thị H2 số tiền là 20.988.000.000đ. Xác nhận bị cáo Phan Thế T

đã bồi thường cho ông Nguyễn Đình H1 và bà Phạm Thị H2 số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ, năm trăm triệu đồng) theo Biên lai thu số AA/2020/0063256 ngày 13/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Bị cáo Phan Thế T còn phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Đình H1 và bà Phạm Thị H2 số tiền là 19.488.000.000 đ (Mười chín tỷ, bốn trăm tám mươi tám triệu đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Đình H1 và bà Phạm Thị H2 về việc yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền lãi là 40.130.510.222đ.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phan Thế T và người bị hại là ông Nguyễn Đình H1 và bà Phạm Thị H2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Ông Nguyễn Đình H1 và bà Phạm Thị H2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho ông Nguyễn Đình H1 và bà Phạm Thị H2 số tiền 300.000 đ tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021636 ngày 28/01/2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tp Hà Nội;
- VKSND tp Hà Nội;
- Công an tp Hà Nội;
- Cục THADS tp Hà Nội;
- Bị cáo T (qua trại);
- Người bị hại (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Hạnh

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Anh Dũng

Điền Văn Hằng

Nguyễn Phương Hạnh

